

Số: **300** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **15** tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số:..... 7016 Ngày: 16 / 9 / 15 Chuyên:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20/11/2012;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15/11/2010;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV ngày 28/5/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ về ban hành Quy chế phối hợp mẫu giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1135/SKHĐT-ĐKKD ngày 07/9/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

Điều 2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố trong phạm vi nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm tổ chức phối hợp và triển khai thực hiện Quy chế nêu tại Điều 1 Quyết định này.

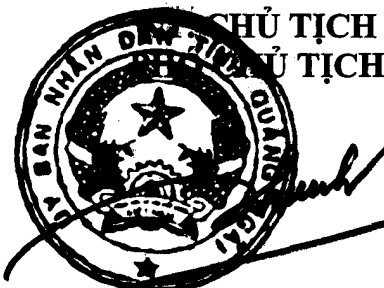
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 32/2009/QĐ-UBND ngày 17/6/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy chế phối hợp trong công tác cung cấp thông tin và quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể hoạt động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Tài chính, Công an, Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Hội Doanh nghiệp trẻ tỉnh;
- Hội Nữ doanh nhân tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, các p. N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, ĐNMNntha338.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Lê Quang Thích

QUY CHẾ

**Phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập**
*(Ban hành theo Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 15/9/2015
của UBND tỉnh)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong việc: trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp; thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; báo cáo tình hình thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.
2. Cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại tỉnh Quảng Ngãi.
3. Các doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp đăng ký thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư, bao gồm: Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty hợp danh, Doanh nghiệp tư nhân (gọi tắt là doanh nghiệp); Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Địa điểm kinh doanh (gọi tắt là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cung cấp thông tin doanh nghiệp* là việc cơ quan nhà nước được yêu cầu, trong phạm vi chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, gửi thông tin doanh nghiệp có nội dung, phạm vi xác định tới cơ quan yêu cầu để phục vụ công tác quản lý nhà nước về doanh nghiệp.
2. *Trao đổi thông tin doanh nghiệp* là việc hai hay nhiều cơ quan chức năng cung cấp thông tin doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý cho nhau một cách liên tục hoặc theo định kỳ.
3. *Công khai thông tin doanh nghiệp* là việc cơ quan nhà nước, căn cứ vào chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, cung cấp, phổ biến thông tin doanh nghiệp một cách rộng rãi, không thu phí.

4. *Thanh tra doanh nghiệp* là việc xem xét, đánh giá, xử lý theo trình tự, thủ tục được quy định tại Luật Thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện pháp luật, chính sách, quyền hạn, nghĩa vụ của doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức có liên quan.

5. *Kiểm tra doanh nghiệp* là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, đánh giá việc thực hiện pháp luật, chính sách, quyền hạn, nghĩa vụ của doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức có liên quan.

6. *Cơ quan chức năng* là cơ quan quy định tại Khoản 1, 2 Điều 2 Quy chế này.

7. *Đơn vị trực thuộc doanh nghiệp* là chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh do doanh nghiệp thành lập.

Điều 4. Mục tiêu của việc phối hợp trong quản lý doanh nghiệp sau đăng ký thành lập

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh theo hướng:

a) Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp;

b) Phân định rõ trách nhiệm giữa các cơ quan trong việc quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp;

c) Tăng cường vai trò giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp.

2. Phát hiện và xử lý kịp thời các doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật; ngăn chặn và hạn chế những tác động tiêu cực do doanh nghiệp gây ra làm ảnh hưởng đến sự phát triển của xã hội.

3. Góp phần xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi.

Điều 5. Nguyên tắc phối hợp

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp phải được phân định rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp, từng cơ quan quản lý nhà nước cụ thể. Các cơ quan nhà nước quản lý doanh nghiệp theo từng ngành, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Doanh nghiệp kinh doanh đa ngành, nghề chịu sự quản lý của nhiều cơ quan nhà nước; mỗi cơ quan chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của doanh nghiệp theo từng ngành, lĩnh vực tương ứng.

2. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp phải đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời. Yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin doanh nghiệp phải căn cứ vào nhu cầu quản lý nhà nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan yêu cầu. Việc sử dụng thông tin doanh nghiệp phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp phải bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung thanh tra, kiểm tra trong cùng thời gian giữa các cơ quan thực hiện thanh tra, kiểm tra; hạn chế đến mức thấp nhất sự chồng chéo, trùng lặp và không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của doanh nghiệp.

4. Không phát sinh thêm thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động bình thường.

Chương II

TRAO ĐỔI, CUNG CẤP, CÔNG KHAI THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Điều 6. Nội dung thông tin doanh nghiệp

1. Thông tin đăng ký doanh nghiệp, bao gồm: tên doanh nghiệp; mã số doanh nghiệp; địa chỉ trụ sở chính; ngành, nghề kinh doanh; thông tin về người đại diện theo pháp luật; vốn điều lệ, điều lệ công ty; danh sách thành viên, cổ đông sáng lập, người đại diện theo uỷ quyền; thông tin về đơn vị trực thuộc và các thông tin đăng ký doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, bao gồm các tình trạng: đang hoạt động, đang làm thủ tục giải thể; đã giải thể; bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; tạm ngừng kinh doanh; đã chấm dứt hoạt động (đối với đơn vị trực thuộc doanh nghiệp).

3. Thông tin về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm: báo cáo tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh; báo cáo tài chính, doanh thu, sản lượng, số lao động, xuất khẩu, nhập khẩu và các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh khác của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

4. Thông tin về xử lý doanh nghiệp có hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật, bao gồm: kết luận và kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về doanh nghiệp, về đầu tư, về quản lý thuế và pháp luật chuyên ngành khác.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

a) Công khai thông tin danh sách các doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh, doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động và doanh nghiệp giải thể định kỳ hàng tháng vào ngày 10 của tháng tiếp theo trên trang Web của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại địa chỉ <http://skhdt.quangngai.gov.vn>. Nội dung thông tin như sau:

- Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh, tên người đại diện theo pháp luật, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp thành lập mới;

- Tên, mã số, địa chỉ trụ sở, điện thoại, ngành nghề kinh doanh, tên người đứng đầu đơn vị trực thuộc doanh nghiệp;

- Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đã hoàn tất thủ tục giải thể;

- Tên, mã số, địa chỉ trụ sở, tên người đứng đầu đơn vị trực thuộc doanh nghiệp chấm dứt hoạt động;

- Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh;

- Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh theo thông báo của cơ quan thuế.

b) Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, các cơ quan chức năng có thể yêu cầu Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp thêm thông tin đăng ký doanh nghiệp ngoài những thông tin mà Sở Kế hoạch và Đầu tư đã công bố công khai trên trang Web của Sở tại Điểm a, Khoản 1 Điều này. Việc cung cấp, trao đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư với các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện bằng hình thức gửi hồ sơ bằng bản giấy hoặc qua đường điện tử.

2. Các cơ quan chức năng căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo thẩm quyền có trách nhiệm cung cấp thông tin về doanh nghiệp liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý.

3. Trường hợp phát hiện thông tin đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp chưa chính xác hoặc chưa đầy đủ so với tình trạng thực tế hoạt động của doanh nghiệp, cơ quan chức năng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để yêu cầu doanh nghiệp thực hiện đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Sau khi doanh nghiệp đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thông báo kết quả cho cơ quan chức năng liên quan.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp

1. Trên cơ sở khai thác từ Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Định kỳ hàng quý, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Cục Thuế tỉnh đối chiếu thông tin trên Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia với thông tin cơ quan thuế cung cấp về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, về doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, doanh nghiệp đã đóng mã số thuế nhưng chưa làm thủ tục giải thể, doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh, doanh nghiệp ngừng hoạt động quá một năm không thông báo với cơ quan thuế hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh,... để chuẩn hóa dữ liệu quản lý doanh nghiệp giữa cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh; đồng thời, có biện pháp tiến hành thanh tra, kiểm tra, xử phạt theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và quy định của pháp luật.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp

1. Các cơ quan chức năng chủ động xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp hoạt động trong ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước được giao; chủ động xây dựng phương án, công cụ trao đổi thông tin doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan đầu mối thông tin doanh nghiệp khác để phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước của mình.

2. Khuyến khích các cơ quan chức năng trao đổi thông tin doanh nghiệp, chia sẻ cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, đồng thời, giảm thiểu nghĩa vụ kê khai, báo cáo của doanh nghiệp.

3. Cơ quan chức năng thực hiện công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc công khai thông tin về xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối công khai thông tin doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật về doanh nghiệp và đầu tư trên trang web của Sở. Thông tin công khai bao gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp và hành vi vi phạm pháp luật.

2. Cục Thuế tỉnh công khai danh sách các doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, có hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế.

3. Cơ quan chức năng khác, ngoài các cơ quan quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, có trách nhiệm công khai doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp có hành vi vi phạm, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý. Thông tin công khai gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hành vi vi phạm pháp luật, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả.

Điều 11. Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp

Việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp giữa các cơ quan chuyên môn thực hiện bằng hình thức gửi bằng bản giấy hoặc qua đường điện tử. Khuyến khích các cơ quan chức năng ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp qua mạng điện tử.

Chương III

THANH TRA, KIỂM TRA DOANH NGHIỆP, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP VÀ XỬ LÝ DOANH NGHIỆP CÓ HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN

Điều 12. Nội dung phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và xử lý doanh nghiệp vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện

1. Nội dung phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp bao gồm: phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp; phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp.

2. Nội dung phối hợp trong thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm: phối hợp xác định hành vi vi phạm thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và thực hiện thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Nội dung phối hợp trong xử lý doanh nghiệp vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện gồm: phối hợp xử phạt doanh nghiệp; yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp

1. Trước ngày 15/11 hàng năm, các cơ quan theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Quy chế này, gửi kế hoạch thanh tra, kiểm tra của năm sau (*trong đó có kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp*) cho Thanh tra tỉnh để tổng hợp, tránh trùng lặp, chồng chéo.

Trước ngày 30/11 hàng năm, Thanh tra tỉnh phải có ý kiến bằng văn bản đối với các trường hợp thanh tra, kiểm tra trùng lặp, chồng chéo. Các cơ quan liên quan có trách nhiệm điều chỉnh hoặc phối hợp trong công tác xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra theo đề nghị của Thanh tra tỉnh; đồng thời, phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra để thực hiện theo quy định.

2. Các cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại địa phương có trách nhiệm đối chiếu với kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng khác trên địa bàn khi xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra của mình để hạn chế trùng lặp; gửi Thanh tra tỉnh kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm sau liền kề đã được cấp trên phê duyệt.

3. Thanh tra tỉnh thông báo bằng văn bản tới các cơ quan chức năng có kế hoạch thanh tra, kiểm tra cùng một hoặc một số doanh nghiệp đề nghị các cơ quan này trao đổi, thỏa thuận thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp liên ngành do một cơ quan chủ trì. Trường hợp do yêu cầu đặc thù phải thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập, thủ trưởng cơ quan chức năng có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bằng văn bản.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp

1. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp theo kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trường hợp trong quá trình chuẩn bị hoặc trong quá trình thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, cơ quan chức năng phát hiện hoặc nhận thấy dấu hiệu doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật ngoài phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm thông báo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền phối hợp hoặc thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập.

Ngoài việc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch, các cơ quan quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 2 Quy chế này, tiến hành thanh tra, kiểm tra đột xuất khi có các căn cứ theo quy định. Quyết định thanh tra, kiểm tra đột xuất phải được gửi cho Thanh tra tỉnh để theo dõi, tổng hợp.

3. Thanh tra tỉnh là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc theo dõi, đôn đốc thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quy định tại Khoản 1, Điều 2 Quy chế này; tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

4. Kết quả thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp phải được công khai theo quy định của pháp luật.

5. Các cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại địa phương khi ban hành quyết định thanh tra, kiểm tra đối với các doanh nghiệp theo kế hoạch thanh tra, kiểm tra đã được phê duyệt hoặc thanh tra, kiểm tra đột xuất phải gửi quyết định thanh tra, kiểm tra và kết luận thanh tra, kiểm tra cho Thanh tra tỉnh để theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo định kỳ và đột xuất.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

1. Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Cơ quan thuế khi kiểm tra doanh nghiệp, phát hiện doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh thì có văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư cùng với biên bản xác minh (có xác nhận của địa phương) để Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư làm căn cứ ra thông báo về hành vi vi phạm của doanh nghiệp và yêu cầu doanh nghiệp báo cáo theo qui định, trường hợp doanh nghiệp không gửi báo cáo theo qui định thì Phòng Đăng ký kinh doanh sẽ thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp theo quy định phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cơ quan chức năng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để làm căn cứ thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

4. Trường hợp nhận được thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nếu xét thấy cần thiết phải xác minh thông tin, Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra doanh nghiệp theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức có liên quan. Kết quả xác minh thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải được thể hiện bằng văn bản. Trách nhiệm cụ thể:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xác minh việc tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp tại địa bàn quản lý.

b) Các cơ quan chức năng quy định tại Khoản 1 Điều 2 Quy chế này có trách nhiệm xác minh hành vi kinh doanh ngành, nghề cấm kinh doanh của doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

c) Trường hợp cần xác minh hành vi giả mạo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp để làm cơ sở thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 211 Luật Doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh (Sở Kế hoạch và Đầu tư) gửi văn bản đề nghị cơ quan công an xác định hành vi giả mạo. Cơ quan công an có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về kết quả xác minh theo đề nghị của Phòng Đăng ký kinh doanh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Căn cứ kết luận của cơ quan công an, Phòng Đăng ký kinh doanh thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo trình tự, thủ tục quy định nếu nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo.

d) Cơ quan, tổ chức quản lý người thành lập doanh nghiệp thuộc đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp có trách nhiệm xác minh lý lịch của người thành lập doanh nghiệp đó.

4. Khi nhận được văn bản của cơ quan chức năng xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư chỉ đạo Phòng Đăng ký kinh doanh hoàn chỉnh thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành; đồng thời, thông báo cho cơ quan chức năng đã có yêu cầu thu hồi.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện

1. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, cơ quan chức năng quyết định xử phạt theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật chuyên ngành; đồng thời, yêu cầu doanh nghiệp thực hiện đúng quy định về điều kiện kinh doanh.

2. Cơ quan chức năng quản lý nhà nước về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện có trách nhiệm thông báo bằng văn bản, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trong các trường hợp sau:

a) Thu hồi, rút, đình chỉ Giấy phép kinh doanh, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chứng nhận, chấp thuận khác đã cấp cho doanh nghiệp kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

b) Đề nghị ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện do không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh.

3. Khi nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan chức năng quy định tại Khoản 2 Điều này, Sở Kế hoạch và Đầu tư chỉ đạo Phòng Đăng ký kinh doanh ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; đồng thời, gửi Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo dõi hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp đã bị Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Trường hợp doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thông báo cho cơ quan có thẩm quyền xử lý.

Chương IV

BÁO CÁO VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP

Điều 17. Nội dung báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập

1. Tình hình công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

2. Tình hình thực hiện phối hợp giữa các cơ quan chức năng về các nội dung sau:

a) Trao đổi, cung cấp và công khai thông tin doanh nghiệp;

b) Thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp;

c) Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

d) Xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;

đ) Các nội dung khác quy định tại Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh trong việc quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan trong báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại các Điểm a, c và d Khoản 2 Điều 17 Quy chế này.

2. Thanh tra tỉnh là đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 17 Quy chế này.

3. Trong tháng 01 hàng năm, Thanh tra tỉnh có trách nhiệm tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp tại Điểm b Khoản 2 Điều 17; các cơ quan chức năng khác có trách nhiệm tổng hợp các nội dung được phân công theo Quy chế này, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để trong tháng 02 Sở tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời, gửi các Bộ: Tài chính, Nội vụ theo quy định.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 19. Phân công trách nhiệm

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Phối hợp xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; thực hiện chuẩn hóa dữ liệu, cập nhật cơ sở dữ liệu đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh sang Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

b) Định kỳ chậm nhất vào ngày 10 hàng tháng, đăng tải công khai thông tin trên trang web của Sở về tình hình doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, đăng ký thay đổi, chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, tạm ngừng hoạt động và hoạt động trở lại, giải thể,... và danh sách các doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh, doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động và doanh nghiệp giải thể của tháng trước đó.

c) Định kỳ 6 tháng, cuối năm, trên cơ sở báo cáo của Cục Thuế tỉnh và các cơ quan chức năng, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh và những vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp; kết quả công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

d) Cung cấp thông tin về đăng ký doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp cho các cơ quan có liên quan và các tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

e) Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn pháp luật cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

f) Hàng năm xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, gửi Thanh tra tỉnh trước ngày 15/11.

g) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện nội dung phối hợp theo quy định tại các Điểm a, c và d Khoản 2 Điều 17 Quy chế này.

2. Cục Thuế tỉnh

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện tốt công tác đăng ký doanh nghiệp, đăng ký kê khai mã số doanh nghiệp theo Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia, đảm bảo kết nối thông tin thông suốt, kịp thời trong việc cấp mã số cho doanh nghiệp; phối hợp rà soát, đối chiếu các doanh nghiệp đã đăng ký, doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, doanh nghiệp đã đóng mã số thuế nhưng chưa làm thủ tục giải thể, doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh, doanh nghiệp ngừng hoạt động quá 01 năm mà không thông báo với cơ quan thuế,... để chuẩn hóa dữ liệu quản lý doanh nghiệp giữa cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh.

b) Công khai danh sách các doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có hành vi vi phạm pháp luật về thuế. Tăng cường quản lý, giám sát, xử lý vi phạm đối với các đối tượng có nguy cơ vi phạm pháp luật cao theo chuyên môn, nghiệp vụ của ngành thuế và thông tin cung cấp từ các sở, ban ngành liên quan, các địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện), các tổ chức, cá nhân khác,...

c) Định kỳ chậm nhất vào ngày 05 hàng tháng cung cấp cho Sở Kế hoạch và Đầu tư danh sách doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh, doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, doanh nghiệp đã đóng mã số thuế, doanh nghiệp vi phạm pháp luật về thuế của tháng trước đó; lũy kế số liệu doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động và hoạt động trở lại đến tháng báo cáo, doanh nghiệp không tiến hành hoạt động kinh doanh trong thời hạn một năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; ngừng hoạt động kinh doanh một năm liên tục mà không báo cáo với cơ quan thuế, đã giải thể nhưng vẫn tiến hành kinh doanh, trụ sở hoạt động của doanh nghiệp không đúng địa chỉ trụ sở đã đăng ký.

d) Định kỳ 6 tháng và cuối năm, báo cáo: Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp, tình hình vi phạm các quy định về thuế, đóng mã số thuế của các doanh nghiệp, tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp; số lượng doanh nghiệp tạm dừng hoạt động hoặc doanh nghiệp hoạt động trở lại, số lượng doanh nghiệp thực tế đang hoạt động đến thời điểm báo cáo để Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh trong các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh 6 tháng và cuối năm.

đ) Cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin thuộc chức năng quản lý của ngành đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh cho các tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

e) Chỉ đạo Chi cục Thuế các huyện, thành phố tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thuế của doanh nghiệp thuộc địa bàn quản lý; kịp thời báo cáo Cục Thuế tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tình hình đăng ký, kê khai, nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

f) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc chủ động, rà soát, đề xuất biện pháp xử lý các doanh nghiệp đã đăng ký thành lập nhưng không đăng ký mã số thuế hoặc đã dừng thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, bỏ địa chỉ đăng ký kinh doanh mà chưa hoặc không thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động theo quy định.

g) Chủ động phối hợp với cơ quan Công an trong công tác phòng chống tội phạm trên lĩnh vực thuế; phối hợp với cơ quan đăng ký kinh doanh trong việc giám sát hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; tổ chức hậu kiểm đối với các doanh nghiệp sau thành lập nhằm phát hiện và xử lý kịp thời tình trạng lợi dụng sự thông thoáng của Luật Doanh nghiệp để đăng ký thành lập doanh nghiệp nhằm mục đích chiếm đoạt tiền thuế, gây thất thu cho ngân sách tỉnh, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương.

h) Thông báo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư danh sách các doanh nghiệp vi phạm Luật Doanh nghiệp không thuộc thẩm quyền xử lý của ngành thuế.

i) Sau khi kế hoạch thanh tra, kiểm tra được Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế phê duyệt, gửi Thanh tra tỉnh tổng hợp.

j) Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý được phân công và tình hình thực hiện phối hợp các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 17 Quy chế này của năm liền trước; đồng thời, gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Thanh tra tỉnh

a) Hướng dẫn các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của ngành, địa phương.

b) Rà soát kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các cơ quan tránh trùng lặp, gây khó khăn cho doanh nghiệp; xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra của tỉnh đối với các doanh nghiệp trên cơ sở hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ và yêu cầu công tác quản lý của tỉnh.

c) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại các Điểm b Khoản 2 Điều 17 Quy chế này.

d) Định kỳ 6 tháng, cả năm, tổng hợp kết quả thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

4. Công an tỉnh

a) Tiếp nhận, xử lý thông tin về doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp; tham gia quản lý, theo dõi hoạt động của doanh nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ của ngành. Tăng cường quản lý, giám sát, xử lý vi phạm đối với các đối tượng có nguy cơ vi phạm pháp luật cao theo chuyên môn, nghiệp vụ của ngành công an và thông tin cung cấp từ các sở, ban ngành liên quan, các địa phương, các tổ chức, cá nhân khác .v.v.

b) Tổ chức việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, Giấy phép kinh doanh đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực của ngành; chủ trì, phối hợp các sở, ngành, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề có điều kiện theo quy định của pháp luật.

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư: Trong việc xác định tư cách pháp nhân của tổ chức, nhân thân của người thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần, là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đối với trường hợp pháp nhân, cá nhân đến từ nước ngoài; xác minh, xử lý theo thẩm quyền đối với doanh nghiệp, người thành lập doanh nghiệp có hành vi kê khai hồ sơ, đăng ký doanh nghiệp là giả mạo.

5. Các sở, ban, ngành tỉnh

a) Thực hiện các nội dung quản lý nhà nước chuyên ngành đối với doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật chuyên ngành.

b) Hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện các quy định của pháp luật chuyên ngành trong hoạt động kinh doanh. Tổ chức việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, phép kinh doanh đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực của ngành; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra việc chấp hành pháp luật và các quy định về điều kiện kinh doanh, xử lý các doanh nghiệp vi phạm quy định của pháp luật; đồng thời, thông báo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính danh sách các doanh nghiệp không đủ điều kiện kinh doanh, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

c) Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, gửi Thanh tra tỉnh trước ngày 15/11 hàng năm.

d) Tăng cường quản lý, giám sát, xử lý vi phạm đối với các đối tượng có dấu hiệu vi phạm pháp luật cao theo chuyên môn, nghiệp vụ của ngành và thông tin cung cấp từ các sở, ban ngành liên quan, các địa phương, các tổ chức, cá nhân khác .v.v.

đ) Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được phân công và tình hình thực hiện phối hợp các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 17 Quy chế này của năm liền trước; đồng thời, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Phối hợp xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin về hộ kinh doanh hoạt động trên phạm vi địa bàn; định kỳ 6 tháng và hàng năm báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư về tình hình đăng ký và hoạt động của hộ kinh doanh, hợp tác xã trên địa bàn.

b) Tiếp nhận, xử lý thông tin về các doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp; tham gia quản lý, theo dõi hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn.

c) Xác minh việc tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh đối với doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp tại địa bàn quản lý có hành vi vi phạm thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

7. Trách nhiệm của các doanh nghiệp

a) Tuân thủ, chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật suốt trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh.

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thực hiện thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp.

c) Cung cấp kịp thời, đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo nội dung quyết định thanh tra, kiểm tra; báo cáo thông tin chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm về những thông tin đã cung cấp.

d) Thực hiện chế độ báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật; định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, báo cáo tài chính của doanh nghiệp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền (theo mẫu quy định); sửa đổi, bổ sung và báo cáo kịp thời đối với các thông tin mà doanh nghiệp đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ vào các nhiệm vụ được phân công trong Quy chế này, chủ động tổ chức phối hợp và triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực phụ trách, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

2. Kinh phí bảo đảm cho công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan này.

3. Định kỳ trước ngày 15 tháng 6 và 15 tháng 12 hàng năm, các sở, ban ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo tình hình triển khai thực hiện Quy chế; đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp. Báo cáo gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối, đơn đốc, theo dõi tình hình triển khai thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.



Lê Quang Thích